

MỘT SỐ ĐIỂM ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH TẠI ĐIỀU LỆ

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1.	Điều 1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>d) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>e) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty;</p> <p>f) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>g) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>h) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>i) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>f) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty;</p> <p>g) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>h) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>i) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p>	<p>Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2020, có hiệu lực từ 01/01/2021</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>j) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>k) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>l) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>m) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</p> <p>n) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p>	
2.	Điều 6	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 505.000.000.000 đồng (năm trăm linh năm tỷ đồng), được chia thành 50.500.000 (Năm mươi triệu năm trăm nghìn) cổ phần phổ thông, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần (mười nghìn đồng trên một cổ phần).</p> <p>2. Vốn điều lệ của Công ty theo Điều lệ này được tự động cập nhật thay đổi khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 806.000.000.000 đồng (Tám trăm linh sáu tỷ đồng), được chia thành 80.600.000 (Tám mươi triệu sáu trăm nghìn) cổ phần phổ thông, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần (mười nghìn đồng trên một cổ phần).</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty theo Điều lệ này được tự động cập nhật thay đổi khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi</p>	<p>- Vốn điều lệ cập nhật sau đợt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.</p> <p>- Sửa theo Điều 6 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng (thay thế Thông tư 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng)</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông về việc chào bán cổ phần trước tối thiểu 15 ngày so với ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán, thời hạn đăng ký mua và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị quyết định việc chào bán cổ phiếu quỹ này theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>8. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật</p>	<p>khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị quyết định việc chào bán cổ phiếu quỹ này theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.		
3.		<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ thì chứng chỉ phải có dấu của Công ty, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, thông tin về người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới sẽ ghi nhận số cổ phần còn lại. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất hoặc bị hủy hoại, người sở hữu cổ 	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ thì chứng chỉ phải có dấu của Công ty, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, thông tin về người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới sẽ ghi nhận số cổ phần còn lại. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; 	<ul style="list-style-type: none"> Sửa theo Điều 7 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng (thay thế Thông tư 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng) Lược bỏ khoản 3 do lặp nội dung với khoản 2 Điều này

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		phiếu có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Cổ đông đề nghị cấp chứng chỉ cổ phiếu mới phải cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
4.	Điều 10 – Thu hồi cổ phần		Bỏ	- Sửa theo Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng (thay thế Thông tư 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng) và đây là điều khoản áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp
5.	Điều 12	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông ban hành trong từng thời kỳ;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông ban hành trong từng thời kỳ. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	Sửa theo Điều 12 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng (thay thế Thông tư 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng) và Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 39 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn</p>	<p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền,</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 39 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của các nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>f. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>g. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
6.	Điều 13	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho Công ty nếu các thông tin cá nhân, địa chỉ của cổ đông có sự thay đổi. 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để 	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho Công ty nếu các thông tin cá nhân, địa chỉ của cổ đông có sự thay đổi. 4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty 	Điều 13 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng (thay thế Thông tư 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng)

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>	
7.	Điều 14	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>- Sửa theo Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 14 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất từ 50% trở lên so với số đầu kỳ; Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; Các trường hợp khác theo quy định của pháp 	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất từ 50% trở lên so với số đầu kỳ; Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này; 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Đồng thời, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Đồng thời, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4</p>	<p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Điều này được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Đồng thời, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Đồng thời, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
8.	Điều 15	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị; 	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị; 	<p>- Sửa theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>d. Thông qua tổng số thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại đã được chào bán trong 12 tháng hoặc bất kỳ tỷ lệ cổ phần nào đã được chào bán nếu thời hạn đã chào bán trên 12 tháng;</p> <p>i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và</p>	<p>o. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>p. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>q. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>r. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>s. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>t. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại đã được chào bán trong 12 tháng hoặc bất kỳ tỷ lệ cổ phần nào đã được chào bán nếu thời hạn đã chào bán trên 12 tháng;</p> <p>u. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>v. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>w. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>x. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>y. Các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>z. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>i. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>j. Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;</p> <p>k. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>l. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>m. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>n. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>o. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>p. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>q. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>r. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>s. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>t. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>u. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>lập;</p> <p>v. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>w. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>x. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>y. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>z. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>aa. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>bb. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>cc. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>e. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>đồng.</p> <p>d. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
9.	Điều 16	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải 	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải</p>	Sửa theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 16 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công đồng và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng công đồng phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Người ủy quyền bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự. b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người được ủy quyền. <p>Khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu khoản này từ 48 giờ trở lên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng công đồng.</p>	<p>xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của công đồng, người đại diện theo ủy quyền của công đồng là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Trường hợp công đồng cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của công đồng đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; e. Trường hợp công đồng tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của công đồng tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; f. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công đồng và người được ủy quyền dự họp. <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng công đồng phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Người ủy quyền bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự. 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>e. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>f. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người được ủy quyền.</p> <p>Khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
10.			<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên,</p>	<p>Thêm mới theo Điều 17 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18 và 19 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
11.	Điều 17	<p>Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại khoản 2 và 3 Điều 14 Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp (tức giấy mời họp) theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp 	<p>Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> h. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (tức giấy mời họp) theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp 	<p>Sửa theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều 14 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp phải gửi kèm theo các tài liệu sau:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</p> <p>a. Phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường họp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>6. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>i. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>j. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>k. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>l. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội;</p> <p>m. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>n. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường họp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Thông</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; <p>Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>báo mời họp phải gửi kèm theo các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. d. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. c. Phiếu biểu quyết. d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. <p>4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5 Điều này thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; d. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>đồng không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>e. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
12.	Điều 18	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.</p> <p>Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp được triệu tập họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp được triệu tập họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và é</p>	Sửa theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	
13.	Điều 19	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến; hoặc cách thức khác nêu tại Quy chế làm việc do Đại hội đồng cổ đông quy định trong từng thời kỳ. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng</p>	Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định về quản trị công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	<p>ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến; hoặc cách thức khác nêu tại Quy chế làm việc do Đại hội đồng cổ đông quy định trong từng thời kỳ. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>đồng đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>d. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>e. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>f. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
14.	Điều 20	<p>Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc .</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu</p>	<p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4,6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>đ. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông</p>	Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 21 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
15.	Điều 21	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải</p>	Sửa theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 22 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty. <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện 	<p>trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> h. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; i. Mục đích lấy ý kiến; j. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với số thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý số thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; k. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; l. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; m. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; n. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 thành viên Ban kiểm soát hoặc tối thiểu 01 (một) cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; Các quyết định đã được thông qua; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm 	<p>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 thành viên Ban kiểm soát hoặc tối thiểu 01 (một) cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến cổ đông theo cách thức và thời hạn như gửi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. 7, 8...</p>	<p>k. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; Các quyết định đã được thông qua; l. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. theo cách thức và thời hạn như gửi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. 7, 8...</p>	
16.	Điều 22	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát</p>	<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau: i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; j. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; k. Chương trình và nội dung cuộc họp; l. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p>	<p>Sửa theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 23 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>biểu tại cuộc họp về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>h. Chữ ký của Chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến cổ đông theo cách thức và thời hạn như gửi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm theo chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>m. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>n. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.</p> <p>o. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>p. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>q. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>đến cổ đông theo cách thức và thời hạn như gửi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm theo chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
17.	Điều 23	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có</p>	Sửa theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		trong vòng [45] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [45] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	
18.	Điều 25	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng 	Sửa theo Điều 25 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng và Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Chứng khoán

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>j. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
19.	Điều 26	<p>Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</p> <p>Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong trường hợp Công ty niêm yết.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</p>	Sửa theo Điều 26 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng và Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Chứng khoán

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	
20.	Điều 27	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>d. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Kiến nghị các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán phát hành của từng loại;</p> <p>d. Quyết định bán cổ phần chưa bán mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của</p>	<p>Sửa theo Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng và Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Chứng khoán</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>f. Quyết định việc mua lại cổ phần đã được chào bán của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>g. Quyết định giá mua lại cổ phần đã chào bán của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm k khoản 1 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>k. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán tài sản có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; ký hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, đề cử ứng viên tham gia làm kiểm soát viên ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền này;</p> <p>m. Giám sát, chỉ đạo Người điều hành Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công</p>	<p>từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>f. Quyết định việc mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp đã được chào bán của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>g. Quyết định giá mua lại cổ phần đã chào bán của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm k khoản 1 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>k. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán tài sản có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>ty;</p> <p>n. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>s. Quyết định việc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;</p> <p>t. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;</p> <p>u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh</p>	<p>nhiệm, miễn nhiệm, đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; ký hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là Thành viên Ban Kiểm soát ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền này;</p> <p>m. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>n. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ tổ chức và hoạt động của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1 tỷ (một tỷ) đồng Việt Nam nhưng không quá 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính riêng lẻ tại thời điểm gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm nhưng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính riêng lẻ tại thời điểm gần nhất;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	<p>sản Công ty;</p> <p>s. Quyết định việc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;</p> <p>t. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;</p> <p>u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>v. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>e. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1 tỷ (một tỷ) đồng Việt Nam</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, gây thiệt hại cho Công ty thì thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.</p>	<p>nhưng không quá 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính riêng lẻ tại thời điểm gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm nhưng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính riêng lẻ tại thời điểm gần nhất;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Tòa án Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
21.	Điều 28	<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc (nếu có) phải được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2, 3,4,5...</p>	<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc (nếu có) phải được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2, 3,4,5...</p> <p>6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị</p>	Sửa theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 29 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
22.	Điều 31	<p>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. ...</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp và gửi thông báo họp đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có đề nghị của Ban kiểm soát; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất hai (02) người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập</p>	<p>Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. ...</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp và gửi thông báo họp đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; e. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) hai (02) người quản lý khác; f. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc</p>	Sửa theo Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 30 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) dự họp.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn</p>	<p>kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>10. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó và/ hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm b, d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên đó mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, thì những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ</p>	<p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có từ ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) dự họp.</p> <p>Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại khoản này, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>10. Biểu quyết:</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị đó và/hoặc người có liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị/ người có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc người có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đó không biết bản thân và/hoặc người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình và/hoặc người có liên quan có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng đó.</p> <p>12. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>e. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>f. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó và/ hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>g. Theo quy định tại điểm b, d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên đó mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, thì những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị đó và/hoặc người có liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>h. Thành viên Hội đồng quản trị/ người có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại, qua hội nghị truyền hình hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.</p> <p>Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua trong cuộc họp được tổ chức và tiến hành bằng một trong số các cách thức hợp lệ nêu trên có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>14. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này; Tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại, qua hội nghị truyền hình hoặc bằng phương 	<p>hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc người có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đó không biết bản thân và/hoặc người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình và/hoặc người có liên quan có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng đó.</p> <p>12. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. <p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp phiếu biểu quyết gửi qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>15. Địa điểm cuộc họp là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</p> <p>16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>e. Nghệ từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>d. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại, qua hội nghị truyền hình hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua trong cuộc họp được tổ chức và tiến hành bằng một trong số các cách thức họp lệ nêu trên có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>e. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>f. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này;</p> <p>g. Tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại, qua hội nghị truyền hình, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này;</p> <p>h. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp phiếu biểu quyết gửi qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Địa điểm cuộc họp là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	
23.	Điều 33	<p>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt</p>	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm chỉ định ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác</p>	Sửa theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty đồng thời là Thư ký Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có hiểu biết về pháp luật; Không được đồng thời làm việc cho công ty kiêm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp; Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; 	<p>hoạt động quản trị công ty tại doanh nghiệp được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm đồng thời là Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có hiểu biết về pháp luật; Không được đồng thời làm việc cho tổ chức công ty kiểm toán được chấp thuận đang độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp; Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản 	<p>hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều 32 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>hợp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
24.	Điều 34	<p>Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện</p>	<p>Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể</p>	Sửa theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 28 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về hướng dẫn quản trị công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3.4...</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
25.	Điều 36	<p>Điều 36. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng các Phó Tổng giám đốc để điều hành Công ty với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng các Phó Tổng giám đốc để điều hành Công ty với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Thù lao, tiền lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội</p>	Sửa theo Điều 34 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>đồng quản trị quyết định và hợp đồng với Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
26.	Điều 39	<p>Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Điều 37. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	Sửa theo Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều 36 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng
27.	Điều 40	<p>Điều 40. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, và những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành 	<p>Điều 38. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, và những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> q. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. r. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành 	Sửa theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 39 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.</p> <p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>s. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>t. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>u. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>v. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>k. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>l. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>m. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>n. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>o. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty;</p> <p>p. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin</p>	<p>kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>w. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>x. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>y. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>z. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>aa. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như chúng được cung cấp cho cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	<ul style="list-style-type: none"> bb. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; cc. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. dd. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. ee. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; ff. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; gg. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; hh. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty; ii. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; jj. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết; kk. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>ll. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty;</p> <p>mm. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty.</p> <p>nn. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như chúng được cung cấp cho cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
28.	Điều 41	<p>Điều 41. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát (tức Kiểm soát viên) của Công ty là 03 (ba) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Trưởng Ban kiểm soát là người chịu trách nhiệm chính đối với hoạt động của Ban Kiểm soát và có các quyền, trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chủ trì tổ chức, triển khai việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Xây dựng kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác; giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các 	<p>Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. <p>3. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có</p>	Theo Điều 37 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng và Điều 168, 174 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Triệu tập cuộc họp, chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát và là đầu mối làm việc với HĐQT và Tổng Giám đốc.</p> <p>e. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý Công ty khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</p> <p>f. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Tuân theo sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng ban kiểm soát và định kỳ báo cáo Trưởng ban về kết quả hoạt động;</p> <p>b. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;</p> <p>c. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);</p> <p>d. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;</p> <p>e. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc khi được Trưởng Ban kiểm soát phân công;</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát là người chịu trách nhiệm chính đối với hoạt động của Ban Kiểm soát và có các quyền, trách nhiệm sau:</p> <p>h. Chủ trì tổ chức, triển khai việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>i. Xây dựng kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác; giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>j. Triệu tập cuộc họp, chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;</p> <p>k. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát và là đầu mối làm việc với HĐQT và Tổng Giám đốc.</p> <p>l. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý Công ty khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</p> <p>m. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>g. Tuân theo sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng ban kiểm soát và định kỳ báo cáo Trưởng ban về kết quả hoạt động;</p> <p>h. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định. <p>8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; <p>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> i. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có); j. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công; k. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc khi được Trưởng Ban kiểm soát phân công; l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>7. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> e. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; f. Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; g. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định. <p>8. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; d. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ 	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>Công ty; f. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
29.	Điều 44	<p>Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. 4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin, tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan. không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; e. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
30.	Điều 45	<p>Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán</p>	Điều 48 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở</p>	

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	
31.	Điều 46	<p>Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo bản gốc giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3,4 ...</p>	<p>Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo bản gốc giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh</p>	Điều 49 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>của Công ty. Trưởng hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3,4...</p>	
32.	Điều 51	<p>Điều 51. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS). 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 49. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS). 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định và pháp luật về kế toán, pháp luật liên quan. loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	Theo Điều 54 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng
33.	Điều 52	<p>Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p>	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p>	Theo Điều 55 Điều lệ mẫu tại Thông tư

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm</p>	<p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ</p>	<p>116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng</p>

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp. 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
34.	Điều 54	<p>Điều 54. Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông 	<p>Điều 52. Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền 	Theo Điều 57 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	
35.	Điều 55	Điều 55. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 53. Con dấu 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sửa theo Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020
36.	Điều 56	Điều 56. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật; b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Quyết định giải thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	Điều 54. Giải thể công ty 1. Công ty có thể bị giải thể chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật; <u>c.</u> Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; <u>d.</u> Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có	Theo Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 59 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
37.	Điều 57	<p>Điều 57. Thủ tục giải thể, thanh lý tài sản</p> <p>1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ít nhất ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên khác (nếu có) của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập.</p> <p>2. Việc giải thể sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Các khoản nợ Thuế; Chi phí thanh lý; Các khoản nợ khác của Công ty; Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nêu từ điểm (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. 	<p>thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>Điều 55. Thanh lý</p> <p>1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ít nhất ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên khác (nếu có) của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Việc giải thể sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Các khoản nợ Thuế; Các khoản nợ khác của Công ty; Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nêu từ điểm (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông sở hữu cổ 	Điều 61 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị Công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	
38.	Điều 59	<p>Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng Bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ Bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp.</p> <p>3. Trường hợp hòa giải không đi đến thống nhất, bất cứ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc các Bên tranh chấp.</p> <p>4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>c. Cổ đông với Công ty;</p> <p>d. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng Bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ Bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp.</p> <p>3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án hoặc Trọng tài nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc các Bên tranh chấp.</p> <p>4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa</p>	Sửa theo Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng

STT	Điều/Khoản /Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			án.	